

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-35



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 26 tháng 07 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Cao Sơn	Ủy viên	
Ông Võ Khánh Toàn	Ủy viên	
Bà Quek Guet Nghoh	Ủy viên	
Ông Lam Hin Lap Michael	Ủy viên	
Ông Lam Wai Man Edward	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 05/06/2023
Ông Yarmalu Prasad Tantry	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 05/06/2023

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Sơn	Phó Giám đốc
Ông Võ Khánh Toàn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Đức	Thành viên
Ông Huỳnh Tín Đình	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thanh Hùng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2024

Số: 180324.007/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội được lập ngày 17 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

Nguyễn Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5136-2020-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		143.834.428.886	114.826.641.566
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.481.460.384	14.976.997.877
111	1. Tiền		9.481.460.384	14.976.997.877
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	31.000.000.000	10.026.739.726
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		31.000.000.000	10.026.739.726
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.048.532.178	25.468.849.246
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	12.489.252.893	18.135.784.426
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	118.270.310	5.844.111.060
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.777.514.531	1.825.459.316
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(336.505.556)	(336.505.556)
140	IV. Hàng tồn kho	9	86.573.406.421	63.648.883.200
141	1. Hàng tồn kho		86.813.454.149	63.888.930.928
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(240.047.728)	(240.047.728)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.731.029.903	705.171.518
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	390.970.933	306.802.617
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		862.408.522	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	477.650.448	398.368.901
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		29.544.188.986	32.244.116.180
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	20.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	20.000.000
220	II. Tài sản cố định		10.592.565.327	11.703.554.261
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	10.387.766.895	11.703.554.261
222	- Nguyên giá		75.448.942.443	72.581.459.575
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(65.061.175.548)	(60.877.905.314)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	204.798.432	-
228	- Nguyên giá		310.946.712	97.244.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(106.148.280)	(97.244.000)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	17.400.014.246	19.175.014.246
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		27.000.014.246	27.000.014.246
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(9.600.000.000)	(7.825.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.551.609.413	1.345.547.674
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.551.609.413	1.345.547.674
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		173.378.617.872	147.070.757.747

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		26.661.681.684	21.664.959.369
310	I. Nợ ngắn hạn		26.661.681.684	21.664.959.369
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	8.445.439.900	4.142.593.816
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		389.879.498	221.066.942
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.991.874.341	4.077.771.718
314	4. Phải trả người lao động		6.439.376.705	6.577.433.412
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.132.416.693	3.218.899.442
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.843.137.797	3.191.187.290
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		419.556.750	236.006.750
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		146.716.936.188	125.405.798.377
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	146.716.936.188	125.405.798.377
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		72.539.110.000	72.539.110.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		72.539.110.000	72.539.110.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.016.053.718	1.016.053.718
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		36.632.812.659	26.548.272.308
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		36.528.959.811	25.302.362.351
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		7.251.056.685	6.701.065.757
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		29.277.903.126	18.601.296.594
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		173.378.617.872	147.070.757.747

Đỗ Thị Lê Mai
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2024


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	432.058.465.302	474.395.343.074
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	8.201.604.188	12.996.154.756
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		423.856.861.114	461.399.188.318
11	4. Giá vốn hàng bán	22	322.850.642.145	378.680.709.674
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		101.006.218.969	82.718.478.644
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	3.269.150.965	1.348.258.178
22	7. Chi phí tài chính	24	10.289.011.014	8.867.952.331
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		9.545.384	230.062.092
25	8. Chi phí bán hàng	25	11.270.794.563	11.351.801.574
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19.101.863.936	17.654.451.618
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		63.613.700.421	46.192.531.299
31	11. Thu nhập khác	27	331.671.505	20.936.794
32	12. Chi phí khác		2.299.831	55.141.327
40	13. Lợi nhuận khác		329.371.674	(34.204.533)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		63.943.072.095	46.158.326.766
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	12.903.435.969	9.422.252.672
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>51.039.636.126</u>	<u>36.736.074.094</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	7.036	5.064



Đỗ Thị Lê Mai
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Dương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		426.631.042.913	442.739.235.870
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(328.084.349.504)	(348.388.558.287)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(36.967.280.634)	(35.008.979.709)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(9.545.384)	(243.650.604)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.778.941.472)	(7.460.633.695)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		29.094.126.667	39.972.734.445
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(33.940.570.711)	(31.962.970.251)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		45.944.481.875	59.647.177.769
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.081.185.580)	(794.003.306)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(40.066.849.315)	(11.426.739.726)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		19.093.589.041	1.400.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.663.091.012	260.211.989
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(22.391.354.842)	(10.560.531.043)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.732.600.000	29.270.053.685
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.732.600.000)	(51.094.705.120)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(29.049.644.000)	(33.323.916.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(29.049.644.000)	(55.148.568.035)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5.496.516.967)	(6.061.921.309)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.976.997.877	21.129.476.056
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		979.474	(90.556.870)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>9.481.460.384</u>	<u>14.976.997.877</u>

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



[Handwritten signature]

Đỗ Thị Lê Mai
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 26 tháng 07 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 72.539.110.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 72.539.110.000 đồng; tương đương 7.253.911 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 284 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 282 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất pin và ắc quy;
- Bán buôn pin các loại, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất pin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chỉ gồm có: cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2023, tình hình kinh tế nhiều biến động, thị trường năng lượng cạnh tranh cả về giá cả và chất lượng dẫn đến sản lượng hàng hóa sản xuất và tiêu thụ của Công ty giảm nhẹ so với năm trước, doanh thu năm nay giảm 8,92% so với năm trước. Trong năm, giá nguyên liệu đầu vào giảm nên mạnh nên giá vốn của Công ty giảm 14,74% so với năm trước. Giá vốn giảm nhiều hơn doanh thu dẫn đến lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm nay tăng 22,11% so với năm 2022.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc là chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động chính là kinh doanh pin các loại.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thời gian từ 03 tháng đến 24 tháng.

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi vay phải trả, phải trả về chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về pin, hoạt động dịch vụ chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	69.724.788	106.558.328
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.411.735.596	14.870.439.549
	<u>9.481.460.384</u>	<u>14.976.997.877</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn	31.000.000.000	-	10.026.739.726	
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	31.000.000.000	-	10.026.739.726	-

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 4 tháng đến 6 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,6%/năm đến 7,4%/năm.

b) Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) (*)	27.000.000.000	(9.600.000.000)	27.000.000.000	(7.825.000.000)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)	14.246	-	14.246	-
	27.000.014.246	(9.600.000.000)	27.000.014.246	(7.825.000.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Pin Hà Nội và GP Batteries International Ltd, Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) được thành lập và hoạt động tại tỉnh Hà Nam, Việt Nam với vốn điều lệ là 4.000.000 USD, trong đó Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đóng góp 1.200.000 USD tương đương 30% vốn điều lệ. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) là sản xuất, kinh doanh pin và máy móc thiết bị sản xuất pin. Theo Nghị quyết số 117A/2019/NQ-HĐQT/PHN ngày 22 tháng 05 năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đã thông qua phương án tăng vốn tại Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) và không tham gia góp vốn trong đợt tăng vốn này. Tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023, tỷ lệ lợi ích và biểu quyết tại Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) là 9,8%.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	2.938.108.736	-	7.569.898.823	-
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	315.837.190	-	88.447.987	-
GPI International Limited	-	-	6.328.273.952	-
GP Battery Marketing (HK) Limited	2.622.271.546	-	1.153.176.884	-
<i>Bên khác</i>	9.551.144.157	(336.505.556)	10.565.885.603	(336.505.556)
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ Toàn Cầu	2.293.049.089	-	1.276.300.041	-
Phải thu khách hàng khác	7.258.095.068	(336.505.556)	9.289.585.562	(336.505.556)
	12.489.252.893	(336.505.556)	18.135.784.426	(336.505.556)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH xuất nhập khẩu Hán Đô Nghi Quảng Tây	-	-	2.857.460.765	-
- PINGXIANG SHI CHENGTAI TRADING CO.,LTD	-	-	2.086.419.200	-
- Công ty Cổ phần kim loại màu Thái Nguyên VIMICO	27.883.438	-	843.249.329	-
- Công ty TNHH INTERTEK Việt Nam	30.759.292	-	49.960.865	-
- Các đối tượng khác	59.627.581	-	7.020.901	-
	118.270.310	-	5.844.111.060	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	836.375.340	-	117.260.274	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	196.894.999	-	206.853.722	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	20.613.568	-	33.447.833	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	15.466.497	-	17.997.237	-
Tạm ứng	221.980.411	-	371.676.748	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	1.000.000.000	-
Các đối tượng khác	1.486.183.716	-	78.223.502	-
	2.777.514.531	-	1.825.459.316	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	78.223.524	-	271.748.442	-
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	-	-	1.206.120	-
GPI International Limited	6.258.568	-	6.258.568	-
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	71.964.956	-	264.283.754	-
Bên khác	2.699.291.007	-	1.553.710.874	-
Các đối tượng khác	2.699.291.007	-	1.553.710.874	-
	2.777.514.531	-	1.825.459.316	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	-	-	20.000.000	-
	-	-	20.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Thương mại Dịch vụ Hải Dương	51.540.380	-	51.540.380	-
- Mai Ngọc Hoà	29.360.789	-	29.360.789	-
- Các khoản khác	255.604.387	-	255.604.387	-
	336.505.556	-	336.505.556	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	67.122.661.016	(240.047.728)	46.057.838.068	(240.047.728)
Công cụ, dụng cụ	79.365.883	-	40.019.350	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.169.797.328	-	6.478.948.138	-
Thành phẩm	14.721.419.847	-	7.176.527.932	-
Hàng hoá	1.720.210.075	-	4.135.597.440	-
	86.813.454.149	(240.047.728)	63.888.930.928	(240.047.728)

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.895.731.167	53.832.162.629	6.480.452.415	373.113.364	72.581.459.575
- Mua trong năm		2.785.482.868		82.000.000	2.867.482.868
Số dư cuối năm	11.895.731.167	56.617.645.497	6.480.452.415	455.113.364	75.448.942.443
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.895.731.167	43.310.547.363	5.337.010.949	334.615.835	60.877.905.314
- Khấu hao trong năm	-	3.802.002.732	293.819.494	87.448.008	4.183.270.234
- Phân loại lại			16.157.456	(16.157.456)	-
Số dư cuối năm	11.895.731.167	47.112.550.095	5.646.987.899	405.906.387	65.061.175.548
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	10.521.615.266	1.143.441.466	38.497.529	11.703.554.261
Tại ngày cuối năm	-	9.505.095.402	833.464.516	49.206.977	10.387.766.895

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 48.274.415.715 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phân mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	97.244.000
- Mua trong năm	213.702.712
Số dư cuối năm	310.946.712
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	97.244.000
- Khấu hao trong năm	8.904.280
Số dư cuối năm	106.148.280
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	204.798.432

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 97.244.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	75.713.767	13.343.246
Chi phí mua bảo hiểm	21.419.104	190.573.956
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	164.692.229	102.885.416
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	129.145.833	-
	<u>390.970.933</u>	<u>306.802.617</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	347.330.067	449.623.946
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	1.095.419.093	549.639.608
Chi phí trả trước dài hạn khác	108.860.253	346.284.120
	<u>1.551.609.413</u>	<u>1.345.547.674</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	535.759.267	535.759.267	1.637.869.963	1.637.869.963
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	535.759.267	535.759.267	1.637.869.963	1.637.869.963
<i>Bên khác</i>	7.909.680.633	7.909.680.633	2.504.723.853	2.504.723.853
Chi nhánh Công ty TNHH Toyota Tsusho Việt Nam Tại TPHCM	-	-	2.102.760.000	2.102.760.000
V-RESOURCE LIMITED	3.319.920.000	3.319.920.000	-	-
GUANGXI GUILIU NEW MATERIAL CO., LTD	3.287.908.800	3.287.908.800	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	1.301.851.833	1.301.851.833	401.963.853	401.963.853
	8.445.439.900	8.445.439.900	4.142.593.816	4.142.593.816

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	473.989.355	15.619.214.941	16.093.204.296	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	398.368.901	-	487.280.219	566.561.766	477.650.448	-	477.650.448	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.272.252.672	12.903.435.969	10.778.941.472	-	-	-	-	5.396.747.169	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	307.368.799	1.131.008.501	846.722.655	-	-	-	-	591.654.645	-
Thuế Tài nguyên	-	-	4.215.250	4.215.250	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	4.104.247.660	4.104.247.660	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	24.160.891	52.852.057	73.540.421	-	-	-	-	3.472.527	-
	398.368.901	4.077.771.718	34.302.254.597	32.467.433.520	477.650.448	477.650.448	5.991.874.341	5.991.874.341		

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	1.574.994.873	1.711.077.491
- Chi phí phải trả khác	1.557.421.820	1.507.821.951
	3.132.416.693	3.218.899.442

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	85.316.284	90.063.137
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.522.395.014	2.953.999.997
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	49.513.500	83.513.500
- Phải trả phụ cấp Hội đồng quản trị không tham gia điều hành	111.000.000	39.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	74.912.999	24.610.656
	1.843.137.797	3.191.187.290



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

17 VAY NGẮN HẠN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-	2.732.600.000	2.732.600.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	-	-	2.732.600.000	2.732.600.000	-	-
	-	-	2.732.600.000	2.732.600.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI**Báo cáo tài chính**

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	72.539.110.000	1.016.053.718	1.016.053.718	17.422.362.472	19.527.424.969	110.504.951.159	36.736.074.094	36.736.074.094	125.405.798.377	125.405.798.377
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	9.125.909.836	9.125.909.836	(650.000.000)	(650.000.000)	(650.000.000)	(650.000.000)	(650.000.000)
Chi trả cổ tức lần 3 năm 2021	-	-	-	-	-	(2.901.564.400)	(2.901.564.400)	(2.901.564.400)	(2.901.564.400)	(2.901.564.400)
Tạm ứng cổ tức năm 2022 (*)	-	-	-	-	-	(18.134.777.500)	(18.134.777.500)	(18.134.777.500)	(18.134.777.500)	(18.134.777.500)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(148.884.976)	(148.884.976)	(148.884.976)	(148.884.976)	(148.884.976)
Số dư cuối năm trước	72.539.110.000	1.016.053.718	1.016.053.718	26.548.272.308	25.302.362.351	125.405.798.377	36.736.074.094	36.736.074.094	125.405.798.377	125.405.798.377
Số dư đầu năm nay	72.539.110.000	1.016.053.718	1.016.053.718	26.548.272.308	25.302.362.351	125.405.798.377	51.039.636.126	51.039.636.126	125.405.798.377	125.405.798.377
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	10.084.540.351	10.084.540.351	(710.000.000)	(710.000.000)	(710.000.000)	(710.000.000)	(710.000.000)
Chi trả cổ tức lần 3 năm 2022 (*)	-	-	-	-	-	(7.253.911.000)	(7.253.911.000)	(7.253.911.000)	(7.253.911.000)	(7.253.911.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2023 (**)	-	-	-	-	-	(21.761.733.000)	(21.761.733.000)	(21.761.733.000)	(21.761.733.000)	(21.761.733.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(2.854.315)	(2.854.315)	(2.854.315)	(2.854.315)	(2.854.315)
Số dư cuối năm nay	72.539.110.000	1.016.053.718	1.016.053.718	36.632.812.659	36.528.959.811	146.716.936.188	36.528.959.811	36.528.959.811	146.716.936.188	146.716.936.188

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 21/04/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận trong năm như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	43.437.139.851
Trích Quỹ đầu tư phát triển	23,22%	10.084.540.351
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,63%	710.000.000
Chi trả cổ tức năm 2022 (bằng 29% vốn điều lệ). Trong đó:	58,45%	25.388.688.500
- Đã tạm ứng lần 1, trong tháng 6/2022: 11%		7.979.302.100
- Đã tạm ứng lần 2, trong tháng 12/2022: 14%		10.155.475.400
- Chi trả cổ tức năm 2022 lần 3: 10% (1)		7.253.911.000
Lợi nhuận chưa phân phối	16,70%	7.253.911.000

(1) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2023/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 04 năm 2023, Công ty thực hiện thanh toán cổ tức năm 2022 đợt 3 bằng tiền mặt, tỷ lệ tạm ứng cổ tức 10%/cổ phần (1 cổ phần nhận được 1.000 đồng), tổng số tiền thanh toán là 7.253.911.000 VND.

(**) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 08/2023/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 09 năm 2023, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2023 đợt 1 bằng tiền mặt, tỷ lệ tạm ứng cổ tức 30%/cổ phần (1 cổ phần nhận được 3.000 đồng) tổng số tiền tạm ứng là 21.761.733.000 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm VND	Tỷ lệ	Đầu năm VND
GP Batteries International Limited	49,00%	35.542.330.000	49,00%	35.542.330.000
Phạm Văn Nghĩa	5,02%	3.643.500.000	5,02%	3.643.500.000
Các cổ đông khác	45,98%	33.353.280.000	45,98%	33.353.280.000
	100%	72.539.110.000	100%	72.539.110.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	72.539.110.000	72.539.110.000
- Vốn góp cuối năm	72.539.110.000	72.539.110.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	83.513.500	12.371.088.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	29.015.644.000	21.036.341.900
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	7.253.911.000	2.901.564.400
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	21.761.733.000	18.134.777.500
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(29.049.644.000)	(33.323.916.600)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(7.337.424.500)	(15.272.652.600)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	(21.712.219.500)	(18.051.264.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>49.513.500</u>	<u>83.513.500</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

d) Cổ phiếu	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.253.911	7.253.911
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	7.253.911	7.253.911
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>7.253.911</i>	<i>7.253.911</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.253.911	7.253.911
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>7.253.911</i>	<i>7.253.911</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
 e) Các quỹ công ty	 <u>31/12/2023</u>	 <u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	36.632.812.659	26.548.272.308
	<u><u>36.632.812.659</u></u>	<u><u>26.548.272.308</u></u>

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Hà Nội với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Bên cho thuê	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	UBND Thành phố Hà Nội	Số 7 ngõ 111 Phan Trọng Tuệ	4.490,4 m ²	50 năm
2	UBND Thành phố Hà Nội	Số 72 Phan Trọng Tuệ	34.665 m ²	Gia hạn từng năm

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	8.480,35	220.952,40

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Số nợ khó đòi đã xử lý	372.373.344	372.373.344

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	391.752.235.210	416.686.623.774
Doanh thu bán hàng hóa	7.691.182.312	6.106.103.217
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	29.226.048.421	48.440.634.571
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.388.999.359	3.161.981.512
	<u><u>432.058.465.302</u></u>	<u><u>474.395.343.074</u></u>
	<u><u>58.645.860.501</u></u>	<u><u>84.180.931.271</u></u>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	8.021.752.630	12.876.288.129
Hàng bán bị trả lại	179.851.558	119.866.627
	8.201.604.188	12.996.154.756

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	288.132.409.365	326.472.170.909
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.752.601.532	4.454.548.580
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	28.804.431.104	47.631.220.433
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	161.200.144	122.769.752
	322.850.642.145	378.680.709.674

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

Tổng giá trị mua vào:	11.443.131.041	15.295.887.676
-----------------------	----------------	----------------

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.382.206.078	352.392.811
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	886.944.887	995.865.367
	3.269.150.965	1.348.258.178

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.545.384	230.062.092
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	7.065.047.724	7.301.058.667
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.274.191.458	2.127.689.414
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	165.226.448	234.142.158
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá tồn thất đầu tư	1.775.000.000	(1.025.000.000)
	10.289.011.014	8.867.952.331

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.269.496.341	1.682.263.433
Chi phí nhân công	5.108.340.556	6.089.414.185
Chi phí khấu hao tài sản cố định	135.606.730	246.809.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.787.046.564	2.507.412.803
Chi phí khác bằng tiền	1.970.304.372	825.901.614
	11.270.794.563	11.351.801.574

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	191.106.796	394.880.117
Chi phí nhân công	9.746.345.913	8.598.225.507
Chi phí khấu hao tài sản cố định	204.856.801	178.641.834
Thuế, phí, lệ phí	4.108.247.660	3.497.580.963
Hoàn nhập dự phòng	-	(8.463.982)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	827.919.695	1.125.349.733
Chi phí khác bằng tiền	4.023.387.071	3.868.237.446
	19.101.863.936	17.654.451.618

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền bồi thường thu được	307.636.839	
Thu nhập khác	24.034.666	20.936.794
	331.671.505	20.936.794
Trong đó: Thu từ bên liên quan bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	307.636.838	-

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	63.943.072.095	46.158.326.766
Các khoản điều chỉnh tăng	574.107.749	962.340.215
- Chi phí không hợp lệ	573.821.318	728.198.057
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	286.431	234.142.158
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(9.403.619)
Thu nhập chịu thuế TNDN	64.517.179.844	47.111.263.362
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	12.903.435.969	9.422.252.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.272.252.672	1.310.633.695
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(10.778.941.472)	(7.460.633.695)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	5.396.747.169	3.272.252.672

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	51.039.636.126	36.736.074.094
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	51.039.636.126	36.736.074.094
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	7.253.911	7.253.911
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.036	5.064

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	278.409.390.974	334.386.965.961
Chi phí nhân công	49.536.668.185	45.353.649.809
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.192.174.514	5.527.703.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.741.319.491	6.364.170.703
Chi phí khác bằng tiền	13.826.887.053	15.470.861.565
	351.706.440.217	407.103.351.039

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền	9.411.735.596	-	-	9.411.735.596
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.930.261.868	-	-	14.930.261.868
Các khoản cho vay	31.000.000.000	-	-	31.000.000.000
	55.341.997.464	-	-	55.341.997.464
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền	14.870.439.549	-	-	14.870.439.549
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.624.738.186	20.000.000	-	19.644.738.186
Các khoản cho vay	10.026.739.726	-	-	10.026.739.726
	44.521.917.461	20.000.000	-	44.541.917.461

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	10.288.577.697	-	-	10.288.577.697
Chi phí phải trả	3.132.416.693	-	-	3.132.416.693
	13.420.994.390	-	-	13.420.994.390
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.333.781.106	-	-	7.333.781.106
Chi phí phải trả	3.218.899.442	-	-	3.218.899.442
	10.552.680.547	-	-	10.552.680.547

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
GP Batteries International Limited Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể Bà Quek Guet Ngoh, ông Nguyễn Thanh Hùng - Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc của Công ty và ông Võ Khánh Toàn - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc của Công ty đồng thời là các Ủy viên Hội đồng thành viên của Công ty này
GP Battery Marketing (Singapore) Pte.Ltd	Công ty cùng Tập đoàn
GPI International Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GPI International (Shenzhen) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GP Acoustics (China) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu	58.645.860.501	84.180.931.271
GPI International Limited	20.693.700.984	40.482.250.832
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	27.027.475.246	43.698.680.439
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	10.924.684.271	-
Mua hàng	11.443.131.041	15.295.887.676
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	8.252.909.500	12.000.731.762
GPI International (Shenzhen) Limited	3.190.221.541	3.295.155.914
Thu nhập khác	307.636.838	-
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	307.636.838	-
Chia cổ tức	2.176.333.000	6.311.365.700
GP Batteries International Limited	2.176.333.000	6.311.365.700

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, đường Phan Trọng Tuệ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên trong Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và người quản lý khác của Công ty:	1.830.071.944	2.102.628.800
Ông Phạm Văn Nghĩa - Chủ tịch Hội đồng quản trị	247.777.776	235.555.546
Ông Nguyễn Thanh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc	586.680.720	543.629.305
Ông Nguyễn Cao Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc	465.422.485	421.313.124
Ông Võ Khánh Toàn - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc	476.315.964	433.348.275
Ông Nguyễn Thanh Quang - Thành viên Hội đồng quản trị Miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022		293.407.550
Ông Yarmalu Prasad Tantry - Thành viên Hội đồng quản trị Miễn nhiệm ngày 05 tháng 06 năm 2023	-	29.750.000
Bà Quek Guet Nghoh - Thành viên Hội đồng quản trị	11.500.000	145.625.000
Ông Lam Hin Lap Michael - Thành viên Hội đồng quản trị Bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022	42.375.000	-
Thù lao và chi phí hoạt động khác của Ban kiểm soát	223.833.334	199.388.889
Bà Nguyễn Thanh Hải - Trưởng Ban kiểm soát	99.333.333	128.333.333
Ông Nguyễn Thanh Đức - Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Ông Huỳnh Tín Đình - Thành viên Ban kiểm soát	100.500.001	47.055.556

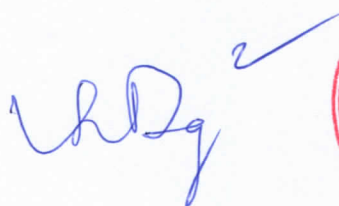
Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

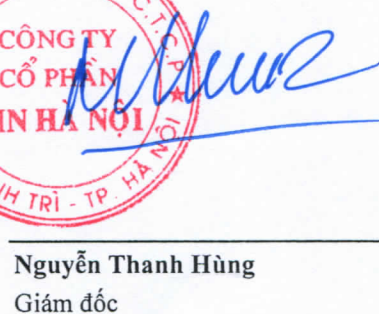
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Đỗ Thị Lê Mai
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Dương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2024